

Bản án số: 178/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2023
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tạ Công Minh.
- Ông Phùng Văn Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành,
tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số
43/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/03/2023 giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số C, đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Phan Văn Q, sinh năm 1973.

Địa chỉ: số A, khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị T; anh Q có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 18/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Lê Thị Cẩm T** trình bày:*

Chị và anh **Phan Văn Q** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyền số 01/2002 ngày 07/3/2002.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị và anh **Q** chung sống tương đối hạnh phúc, đến khoảng tháng 01/2021 cho đến nay thì anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp. Anh chị đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị và anh **Q** đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Chị **T** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh **Q**.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh **Phan Văn Q** có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại bản khai ngày 22/02/2023, anh **Q** trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị **Lê Thị Cẩm T**, anh và chị **T** sống ly thân đã lâu, nên hết tình cảm với nhau.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị **T** vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với anh **Q**.

Anh **Q** vắng mặt (có đơn).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn **Phan Văn Q** có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh **Q**.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp “Ly hôn”.

[3] Về hôn nhân:

Chị **Lê Thị Cẩm T** và anh **Phan Văn Q** xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Tp . cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2002 ngày 07/03/2002.

Tại phiên tòa, chị **T** trình bày nguyên nhân xin ly hôn với anh **Q** là do vợ chồng không thống nhất về nơi ở, kinh tế không cho phép hai người ra riêng, do đó mà đôi bên cứ thay đổi về chỗ ở làm ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng. Hơn nữa, chị **T** trình bày do anh **Q** gia trưởng, không muốn chị có các mối quan hệ ngoài xã hội, o ép chị vào khuôn khổ của người phụ nữ truyền thống, chị **T** không chấp nhận được việc áp đặt này của anh **Q**, từ đó mà vợ chồng thường cãi nhau, tình cảm đôi bên ngày càng xa cách. Thời gian chung sống, vào năm 2017, chị và anh **Q** đã từng ly thân 09 tháng, nhưng với mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị **T** đồng ý quay lại sống cùng anh **Q**. Tuy nhiên, sau đó anh **Q** vẫn không thay đổi tính tình, vợ chồng không thể chung sống hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị và anh **Q** ly thân lần hai vào tháng 01/2020 đến nay, đôi bên chấm dứt mọi liên lạc. Nay nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **T** kiên quyết ly hôn với anh **Q**.

Đối với anh **Q**, tuy có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng qua bản tự khai ngày 22/02/2023 thể hiện anh cũng đồng ý ly hôn với chị **T**, đây là sự tự nguyện của anh, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Qua nội dung biên bản xác minh ngày 28/02/2023 (bút lục 21) thể hiện chị **T** và anh **Q** đã ly thân từ tháng 01/2021 đến nay.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin được ly hôn anh **Q** của chị **T** là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, nợ chung, tài sản chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị **T** phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- 1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị Cẩm T**.
 - Về hôn nhân: Chị **Lê Thị Cẩm T** được ly hôn với anh **Phan Văn Q**.
 - Về con chung, nợ chung, tài sản chung: Không xem xét.
- 2/ Về án phí: Chị **T** phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, cản trừ với số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021357 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị **T** đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Chị **T** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh **Q** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- UBND phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HUỲNH THỊ TRÚC MAI